

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28-02-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ TỈNH HÀ GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ông: Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Phan Thanh Hà.

- Ông: Hà Mạnh Nô.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa ông: Trần Xuân Đạt - Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BM tham gia phiên tòa: Bà Bàn
Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh Hà Giang xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 01
năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn anh: Vũ Mí Kh; Sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn PhĐ, xã PhL, huyện BM, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp:
Làm ruộng (*Có mặt*).

2. Bị đơn chị: Sùng Thị D; Sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn PhĐ, xã PhL, huyện BM, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp:
Làm ruộng (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện viết ngày 12/12/2019, các chứng cứ tài liệu có trong hồ
sơ vụ án, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay anh Vũ Mí
Kh trình bày: Tôi trước khi xây dựng gia đình với chị Sùng Thị D được tìm hiểu
nhau khoảng 10 ngày, hôn nhân tự nguyện, không bên nào ép buộc và được hai
bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng
ký kết hôn ngày 29/7/2009 tại UBND xã Ph L, huyện BM, tỉnh Hà Giang, từ khi
kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ tại Thôn PhĐ, xã PhL, huyện BM,
năm 2010 sinh con đầu lòng xong hai vợ chồng ra ở riêng và sinh con thứ hai
không có mâu thuẫn gì.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình ngày 10/7/2016 chị Sùng Thị D bỏ
đi đâu không có lý do, không nói cho tôi biết và không thấy mang tài sản gì đi
theo, tôi báo chính quyền địa phương xã Ph L và tổ chức đi tìm mọi nơi, sang
nhà bên ngoại không có tin tức gì vợ ở đâu. Không thấy gửi tiền về cho gia đình

và cũng không thông tin liên lạc gì từ đó đến nay. Vì vậy, tôi thấy vợ vô trách nhiệm bỏ lại tôi phải nuôi 02 con nhỏ mà không có thông tin về gia đình. Nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự tuyên bố chị Sùng Thị D mất tích. Đến ngày 28/8/2019 Tòa án huyện BM mở phiên họp ra quyết định số 02/2019/QĐST-VDS Tuyên bố một người mất tích đối với chị Sùng Thị D, sinh năm 1989; Nơi cư trú trước khi biệt tích: thôn PhĐ, xã PhL, huyện BM. Nay quyết định có hiệu lực pháp luật tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tôi được ly hôn với chị Sùng Thị D. Mức thu nhập làm ruộng mỗi tháng khoảng 1.000.000đ (Một triệu đồng chẵn) ngoài ra không có thu nhập thêm gì.

Quá trình vợ, chồng chung sống có 02 con chung: Vừ Mí Ph, sinh ngày 03/3/2010 hiện đang học lớp 4B trường tiểu học bán trú, xã Ph L, huyện BM, tỉnh Hà Giang và Vừ Thị Ch, sinh ngày 15/02/2012 hiện đang học lớp 2A trường tiểu học bán trú, xã Ph L, huyện BM, tỉnh Hà Giang. Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết, nên không kê khai.

Nay tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với chị Sùng Thị D; Về con chung: Nguyên vọng sau khi ly hôn được quyền nuôi 02 con chung Vừ Mí Ph, sinh ngày 03/3/2010 và Vừ Thị Ch, sinh ngày 15/02/2012. Không yêu cầu chị Sùng Thị D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung công nợ của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Vừ Mí Ph và Vừ Thị Ch hiện nay mẹ cháu không ở nhà và ở đâu chúng cháu không biết, nếu bố ly hôn thì nguyên vọng cháu xin được ở với bố đẻ Vừ Mí Kh.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Vừ Mí Kh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BM phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn anh Vừ Mí Kh chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai xét thấy: Chị Sùng Thị D đã bị Tòa án Bắc Mê tuyên bố mất tích đến nay quyết định có hiệu lực pháp luật, nên anh Vừ Mí Kh yêu cầu giải quyết Ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn Sùng Thị D đảm bảo đúng quy định tại các Điều 93 đến Điều 97, 195, 196, 198 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị tuyên xử.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vừ Mí Kh được ly hôn chị Sùng Thị D.

- Về nuôi con chung: Giao cho anh Vừ Mí Kh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục Vừ Mí Ph, sinh ngày 03/3/2010 và Vừ Thị Ch, sinh ngày 15/02/2012 đến khi đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm d khoản 1 điều 12, điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét anh Vũ Mí Kh được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 28/8/2019 Tòa án huyện BM mở phiên họp ra quyết định tuyên bố chị Sùng Thị D mất tích, nên thuộc trường hợp không hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, mặt khác Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng theo khoản 2 Điều 179 BLTTDS và xác minh nơi cư trú chị D không có mặt tại địa phương. Do đó nhận thấy tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại thời điểm thụ lý vụ án nguyên đơn anh Vũ Mí Kh có nơi cư trú tại huyện BM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Mí Kh với chị Sùng Thị D có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân ngày 10/7/2016 chị D bỏ đi đâu không có lý do, không nói cho anh Kh biết, không thấy về nhà anh Kh đã đi tìm kiếm khắp nơi không có kết quả, 02 năm sau không thấy chị D về anh Kh làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị D mất tích. Đến ngày 28/8/2019 Tòa án mở phiên họp “Tuyên bố một người mất tích đối với chị Sùng Thị D” theo quyết định số 02/2019/QĐST-VDS của Tòa án huyện BM.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Kh và chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Kh đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu một bên bị Tòa án tuyên bố mất tích. Hội đồng xét xử xét, xét thấy căn cứ Điều 51, 53 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Kh được ly hôn với chị D.

[4] Về con chung: Anh Kh với chị D chung sống có hai con chung Vũ Mí Ph, sinh ngày 03/3/2010 và Vũ Thị Ch, sinh ngày 15/02/2012 hiện đang ở với anh Kh ổn định, việc chị D là mẹ đẻ của hai cháu hiện nay không biết địa chỉ ở đâu, ngoài ra nguyện vọng cháu Vũ Mí Ph và cháu Vũ Thị Ch xin được ở với anh Kh. Vì vậy HĐXX xét thấy giao 02 con cho anh Kh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định

tại Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với chị D bị Tòa án tuyên bố mất tích và anh Kh không yêu cầu về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Anh Vừ Mí Kh không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Kh thuộc hộ nghèo được chính quyền nơi cư trú xác nhận và có đơn đề nghị miễn nộp án phí, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người dân tộc thiểu số. Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên HĐXX xét thấy anh Kh được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vừ Mí Kh. Cho ly hôn giữa anh Vừ Mí Kh và chị Sùng Thị D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho Vừ Mí Kh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vừ Mí Ph, sinh ngày 03/3/2010 và Vừ Thị Ch, sinh ngày 15/02/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Sùng Thị D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi chung.

Sau khi ly hôn chị Sùng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vừ Mí Kh được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị Sùng Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Ph L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã PhL;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công